TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
ISSN: 1859-3100 Tập 15, Số 5 (2018): 111-120

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE
SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES
Vol. 15, No. 5 (2018): 111-120

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

QUAN NIỆM VỀ MỐI QUAN HỆ CON NGƯỜI – TỰ NHIÊN TRONG TRIẾT HỌC ĐẠO GIA VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ

Nguyễn Huỳnh Bích Phương*

Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 10-02-2018; ngày nhận bài sửa: 27-02-2018; ngày duyệt đăng: 24-5-2018

TÓM TẮT

Triết học Đạo gia có nội dung rất phong phú, bao gồm cả vấn đề bản thể luận, phép biện chứng, đặc biệt là đạo đức nhân sinh, trong đó, không thể không nói đến quan niệm về mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên. Theo đó, Đạo gia đã nêu lên tư tưởng về sự thống nhất, hòa hợp giữa con người và giới tự nhiên; về sự gìn giữ, bảo vệ giới tự nhiên. Những quan niệm ấy có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc trong việc ứng xử một cách nhân văn đối với giới tự nhiên và trong việc giải quyết vấn đề môi trường tự nhiên hiện nay.

Từ khóa: con người, tự nhiên, môi trường, triết học Đạo gia.

ABSTRACT

Ideas about the relationship between mankind and nature in Taoist philosophy and its implication

Taoist philosophy is very rich. It discusses ontological, dialectical issues, especially those that are human moral issues. In philosophical ideology, it is necessary to discuss the relationship between human and the nature. Accordingly, Taoist philosophy has raised ideas about the unity and harmony between human and nature, about the conservation of the nature. Those concepts have insightful guidelines for a humane treatment of nature and help solve our current natural environment issues.

Keywords: man, nature, environment, Taoist philosophy.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, thế giới đã có những thành tựu vĩ đại về khoa học - công nghệ, nhờ đó đạt được sự tăng trưởng kinh tế không ngừng. Song, nhân loại cũng đang phải đối mặt với những vấn đề hết sức nghiêm trọng có tính toàn cầu. Một trong số đó là sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và vấn đề ô nhiễm môi trường sinh thái.

Tình trạng này đang đặt loài người trước sự "trả thù" của giới tự nhiên, điều từ lâu đã được Ph. Ăngghen cảnh báo: "Tuy nhiên chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó"[1]. Lời cảnh báo ấy của Ph. Ăngghen cách đây trên 100 năm đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

* Email: *bichphuongqv@gmail.com*

[1] C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập,* tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1994, tr.654

Do vậy, loài người muốn tồn tại và phát triển thì cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên, trên cơ sở hòa nhập, thống nhất với tự nhiên. Do đó, việc nghiên cứu quan niệm của triết học Đạo gia về mối quan hệ con người – tự nhiên có ý nghĩa sâu sắc cả về lí luận và thực tiễn trong việc xác lập quan điểm và thái độ ứng xử của con người đối với tự nhiên.

2. Quan niệm của Đạo gia về mối quan hệ con người – tự nhiên

2.1. Quan niệm của Lão Tử về mối quan hệ con người – tự nhiên

Lão Tử là một đại diện xuất sắc của triết học cổ đại phương Đông, ông là người khởi xướng trường phái triết học Đạo gia. Tư tưởng triết học của Lão Tử là một trong những tinh hoa tạo nên bản sắc độc đáo của văn hóa Trung Quốc và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa tinh thần của các dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam.

Triết học Lão Tử chú trọng nhận thức về tự nhiên, về vũ trụ và những quy luật vận động của vạn vật, lấy đó làm cơ sở cho các quan điểm chính trị - xã hội thể hiện tập trung trong tác phẩm "Đạo đức kinh".

Phạm trù "Đạo" là điểm xuất phát và là "hạt nhân" của triết học Lão Tử, là nội dung cốt lõi trong bản thể luận của Đạo gia. Theo Lão Tử, "đạo" là bản thể, là nguồn gốc, là bản chất sâu kín của vạn vật, là cơ sở vật chất đầu tiên và tính thống nhất của thế giới. Tất cả từ "đạo" mà sinh ra và trở về với cội nguồn là "đạo".

"Đạo" là đạo thường: "Đạo" là quy luật phổ biến chi phối sự vận động, biến hóa của vạn vật, không đâu là không có "đạo".

"Đạo" là đạo vô vi: "Đạo" là cái vốn có, tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý chí của con người, một khi có sự can thiệp của con người thì "đạo" không còn là đạo. Vạn vật chỉ là biểu hiện khác nhau của cái duy nhất là "đạo" và "đạo" tồn tại trong các sự vật.

Có thể nói, bằng trực giác thiên tài, Lão Tử đã phỏng đoán khởi nguyên của thế giới không phải là một cái cụ thể, mà là một yếu tố hết sức trừu tượng, đó là "đạo". Điều đó thể hiện trình độ tư duy trừu tượng khái quát hết sức cao của nhà triết học cổ đại phương Đông.

Mở rộng tư tưởng về "đạo" trong đời sống xã hội, Lão Tử đã đề xướng học thuyết "vô vi", qua đó trình bày quan điểm về các vấn đề đạo đức nhân sinh, chính trị – xã hội, nhất là vấn đề triết học của mọi thời đại – vấn đề mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Trong việc giải quyết mối quan hệ này, quan niệm của Lão Tử thể hiện ở hai nội dung cơ bản: (1) sự thống nhất, hòa hợp giữa con người và tự nhiên; và (2) sự giữ gìn, bảo vệ của con người đối với giới tự nhiên.

(i) Về sự thống nhất, hòa hợp giữa con người và tự nhiên

"Vô vi" là một học thuyết triết học của người Trung Hoa cổ đại đã được Lão Tử nâng lên thành học thuyết về nghệ thuật sống của con người trong sự hòa nhập với tự nhiên. "Vô vi" theo nghĩa thông thường là "không làm gì". Nhưng thực chất, theo Lão Tử, danh từ "vô vi" không có nghĩa là không làm gì mà là hành động theo lẽ tự nhiên, thuần phác, không có tính chất giả tạo, gò ép, trái với bản tính tự nhiên của mình; không làm trái với quy luật tự

nhiên, không can thiệp vào guồng máy của tự nhiên. Lão Tử viết: "Đạo thường không làm gì mà không gì không làm. Vua chúa nếu giữ được đạo, muôn vật sẽ tự mình chuyển hóa… Không ham muốn để được yên lặng, thiên hạ sẽ tự yên" (*Đạo đức kinh*, Chương 37). Như vậy, "vô vi" không có nghĩa là không làm gì cả mà là phương thức hành động của con người đã ngộ được "đạo", ngộ được quy luật tự nhiên để không can thiệp (hữu vi) vào tiến trình phát triển của bản thân giới tự nhiên.

Ông cho rằng: "…Đạo đức là cái luật tự nhiên, không cần tranh mà thắng, không cần nói mà ứng nghiệm, không cần mời mà các vật vẫn theo về, lờ mờ mà hay mưu tính" (*Đạo đức kinh*, Chương 42). Nếu không thuận theo đạo tự nhiên, đem ý chí và dục vọng của con người cưỡng ép vạn vật là trái với "đạo vô vi", tất nhiên sẽ thất bại. Lão Tử nói: "Nếu trời không trong sẽ vỡ. Đất không yên sẽ lở. Hang không đầy sẽ cạn. Vạn vật không sống sẽ dứt" (*Đạo đức kinh*, Chương 39). "Lấy thiên hạ thường ở sự vô, nếu mà hữu sự không đủ lấy thiên hạ" (*Đạo đức kinh*, Chương 48). Lão Tử viết: "Đạo sinh ra vạn vật, Đức bao bọc vật chất khiến cho mỗi vật thành hình, hoàn cảnh hoàn thành mỗi vật…Đạo và Đức không can thiệp chi phối vạn vật mà để vật tự nhiên phát triển" (*Đạo đức kinh*, Chương 51). Với quan niệm "vô vi", ông chủ trương không can thiệp vào tiến trình phát triển tự nhiên của vạn vật.

Theo Lão Tử, chính con người cũng thống nhất với "đạo", tức là mang tính tự nhiên. Con người – Tự nhiên – "Đạo" là một thể thống nhất. Chính xác hơn, "đạo" là cơ sở của sự thống nhất, hài hòa giữa con người và tự nhiên. Con người, tự nhiên vừa nằm trong "đạo", vừa thuộc về "đạo", vừa tuân theo "đạo". Như thế, quan niệm "vô vi" của Lão Tử nghĩa là con người cần tôn trọng sự vận động, phát triển khách quan của bản thân hiện thực, từ đó con người mới giữ được "đạo" và tuân theo "đạo".

Triết lí "vô vi" của Lão Tử còn thể hiện ở sự nhận thức các quy luật của tự nhiên, và từ đó làm theo các quy luật của tự nhiên. Theo Lão Tử, toàn thể vũ trụ bị chi phối bởi hai quy luật phổ biến và cơ bản nhất là luật quân bình và luật phản phục.

Tuân theo luật quân bình có nghĩa là vạn vật luôn giữ được trạng thái cân bằng, theo một trật tự điều hòa tự nhiên, không có cái gì thái quá, không có cái gì bất cập. Ông nói: "Cái gì khuyết ắt được tròn đầy, cái gì cong sẽ được thẳng, cái gì cũ thì mới lại, cái gì ít sẽ được, nhiều thì mất" (*Đạo đức kinh*, Chương 22). Đó chính là cái "đạo của trời… chỗ cao thì ép xuống thấp, chỗ thấp thì nâng lên cao, có dư thì bớt đi, không đủ thì bù vào. Đạo của trời bớt chỗ dư bù chỗ thiếu" (*Đạo đức kinh*, Chương 42). Nếu vi phạm luật quân bình, phá vỡ trạng thái cân bằng của vũ trụ, thì vạn vật sẽ rối loạn, trì trệ và có nguy cơ bị hủy diệt.

Cùng với luật quân bình, vạn vật còn tuân theo luật phản phục. Phản phục, theo Lão Tử, có thể được hiểu theo hai nghĩa: *Thứ nhất,* phản phục nghĩa là sự vận động có tính chất tuần hoàn, đều đặn, nhịp nhàng và tự nhiên của vạn vật, như hết ngày lại đêm, hết đêm lại ngày; trăng tròn rồi lại khuyết, trăng khuyết rồi lại tròn. *Thứ hai*, phản phục còn có nghĩa là sự vận động trở về với "đạo" tự nhiên của vạn vật, tức là trở về với gốc rễ, cội nguồn của

mình. Lão Tử viết: "Đến chỗ cùng cực hư không là giữ vững được trong cái tĩnh. Vạn vật cùng đều sinh ra, ta lại thấy nó trở về với gốc" (*Đạo đức kinh*, Chương 16).

Theo luật phản phục, cái gì phát triển đến tột đỉnh thì tất sẽ trở thành cái đối lập với nó. Lão Tử nói: "Vật hễ thêm nó, thì nó bớt; bớt nó, thì nó thêm" (*Đạo đức kinh*, Chương 42), và: "trong thiên hạ cái rất mềm thì làm chủ cái rất cứng" (*Đạo đức kinh*, Chương 43).

Sự trở về với "đạo" của vạn vật ở trạng thái nguyên sơ, tĩnh lặng và tự nhiên là tất yếu, nhờ đó vạn vật mới tồn tại, vận động, điều hòa và phát triển. Cho nên, theo Lão Tử đó là "đạo pháp tự nhiên". Từ đó ông cho rằng, nếu cố tình can thiệp vào cái trật tự tự nhiên thì nhất định sẽ bị thất bại: "Nếu trời không trong sẽ vỡ. Đất không yên sẽ lở. Hang không đầy sẽ cạn. Vạn vật không sống sẽ dứt" (*Đạo đức kinh*, Chương 39).

"Vô vi" còn có nghĩa là không làm mất cái đức tự nhiên, thuần phác vốn có của vạn vật, không dục vọng, không ham muốn những gì trái với bản tính tự nhiên của mình và của vạn vật. Nếu để mất đức tự nhiên, ham muốn những gì trái với bản tính tự nhiên của mình, cố thỏa mãn những dục vọng đó, dẫn tới sự can thiệp vào guồng máy tự nhiên sẽ mang lại những tai họa. Ông nói: "Ngũ sắc làm cho mắt mờ, ngũ âm làm cho tai điếc, ngũ vị làm cho miệng chán, cưỡi ngựa săn bắn làm cho lòng phát cuồng, vật khó khiến làm cho lòng tà vậy" (*Đạo đức kinh*, Chương 12). Lão Tử cho rằng, các yếu tố văn minh làm cho con người đánh mất bản tính tự nhiên của mình nên ông chủ trương hủy bỏ mĩ thuật, nghệ thuật (sản phẩm của văn minh), tránh xa danh vọng, địa vị tiền bạc, của cải.

Đối với Lão Tử, vạn vật đều có bản tính tự nhiên, chúng tồn tại, vận động, biến hóa theo lẽ tự nhiên, không cần biết đến ý nghĩa, mục đích của bản thân chúng, như cá là bơi lội dưới nước, chim là bay trên trời. Nghĩa là sống với cái vốn có tự nhiên, thuần phác của mình, không trái với quy luật của tự nhiên, không can thiệp vào quá trình vận động của tự nhiên. Nhưng ông cho rằng, con người chỉ thích ứng với quy luật tự nhiên một cách bị động, đứng trước tự nhiên con người không cần làm gì cả. Ở phương diện này, Lão Tử đã hạ thấp tính năng động chủ quan của con người, con người phải phục tùng giới tự nhiên, không cần phải đấu tranh, cải tạo tự nhiên. Thực chất của quan niệm này là ở chỗ: "Người phỏng theo lẽ của đất, đất phỏng theo lẽ của trời, trời phỏng theo lẽ của đạo, đạo phỏng theo lẽ của tự nhiên" (*Đạo đức kinh*, Chương 25). Bởi vì, theo Lão Tử, "đạo" chính là quy luật, chính là lẽ tự nhiên, nên con người không cần phải phát triển đi đâu xa cả, không cần phải làm gì khác ngoài tự nhiên, trở về với cái nguyên sơ của nó, trở về với tự nhiên. Rõ ràng, con người trong triết học Lão Tử là con người gắn với tự nhiên, là một bộ phận không tách rời tự nhiên và thuận theo quy luật của tự nhiên.

(ii) Về sự giữ gìn, bảo vệ của con người đối với giới tự nhiên

"Vô vi" cũng còn có ý nghĩa là bảo vệ, giữ gìn bản tính tự nhiên của mình và của vạn vật. Lão Tử chủ trương ngăn chặn, bài trừ những gì làm tổn hại đến bản tính tự nhiên của vạn vật, mà trước hết là chống lại sự xâm hại của con người và xã hội đối với giới tự nhiên. Ông nói: "Ta có ba của báu hằng nắm giữ và bảo vệ: một là từ ái, hai là tiết kiệm và ba là

không dám đứng trước thiên hạ" (*Đạo đức kinh*, Chương 67). Vì từ ái cho nên không cưỡng ép vật, vì tiết kiệm cho nên không thái quá, không trái với đạo tự nhiên và vì không dám đứng trước thiên hạ cho nên tự nhiên, thuần phác, không trái với tạo hóa. Từ đó, Lão Tử phản đối mọi chủ trương "hữu vi", bởi vì "hữu vi" chỉ khiến cho con người làm xáo trộn mọi trật tự của tự nhiên, con người bị ràng buộc bởi những danh vọng, ham muốn và mất đi bản tính tự nhiên của chính mình. Lão Tử viết: "Thánh nhân thường khéo cứu người nên không có người bỏ đi, thường khéo cứu vật nên không có vật bỏ đi" (*Đạo đức kinh*, Chương 44). Cho nên: "Thánh nhân bỏ nhiều, bỏ thừa, bỏ quá" (*Đạo đức kinh*, Chương 29).

Từ quan điểm "vô vi", Lão Tử đã rút ra nghệ thuật sống của con người là: từ ái, cần kiệm, khiêm nhường, khoan dung, tri túc và kiến vi. Nhờ đó, con người luôn giữ được sự đồng nhất, hài hòa, chất phác với tự nhiên, con người hòa mình vào khoảng không, nhưng lại biết dành cho người khác một chỗ mà không làm mất chỗ của mình. Đã là con người thì cần phải biết giảm ánh sáng của mình để có thể đắm mình vào bóng tối của kẻ khác.

Trong học thuyết "vô vi", Lão Tử còn cho rằng, "vô vi" không chỉ là sống một cách tự nhiên, thuần phác, mà còn không cần đến cả tri thức, văn hóa, kĩ thuật và cả sự tiến bộ xã hội. Ông nói: "Trí tuệ sinh thì có đại ngụy" (*Đạo đức kinh*, Chương 18). Bởi theo ông, hiểu biết càng nhiều thì trí xảo càng nhiều, trí xảo càng nhiều càng ham muốn, tranh đoạt, chiếm đoạt, xâm phạm lẫn nhau, trái với đạo tự nhiên. Vì vậy: "Theo học thì càng thêm phiền phức, mà theo đạo thì ngày càng bớt, bớt rồi thì lại bớt, bớt đến mức vô vi" (*Đạo đức kinh*, Chương 48). Cho nên, tốt nhất người ta hãy: "bỏ hẳn cái học đi thì không lo lắng gì cả, hiện ra cái nõn nà, ôm lấy cái chất phác, ít lòng tư, bớt lòng dục" (*Đạo đức kinh*, Chương 20).

Quan điểm về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên còn được thể hiện khi Lão Tử chủ trương trị nước bằng đạo "vô vi", tức là trả bản chất con người về cho giới tự nhiên, không được trái với tạo hóa, phải gạt bỏ hết những gì trái với tự nhiên, trái với bản chất tự nhiên của con người. Con người cần phải trở về với trạng thái tự nhiên, nguyên thủy, chất phác, không ham muốn, không dục vọng, không lễ giáo, không thể chế, không pháp luật, không bị ràng buộc bởi truyền thống đạo đức, văn hóa, không cần tri thức, trí xảo, văn hóa, kĩ thuật, mà theo bản tính, khả năng, sở thích tự nhiên, mọi người tự làm những việc mà mỗi người cần phải làm một cách tự nhiên.

Theo Lão Tử, nguyên nhân sâu xa của bất ổn xã hội và tha hóa con người là vì con người mỗi ngày một xa "đạo", không thuận theo "đạo", tức không thuận tự nhiên, đánh mất sự chất phác, càng thông minh càng nhiều dục vọng, càng xảo trá, tranh giành nhau, chém giết nhau. Ông cho rằng, để ổn định xã hội, chỉ có một cách duy nhất là trở về với "đạo", với tự nhiên. Lão tử nói: "Thiên hạ nhiều kị húy thì dân càng nghèo, dân nhiều khí giới nhà nước càng loạn, người nhiều tài khéo vật xảo càng thêm, pháp luật càng tăng trộm cướp càng nhiều" (*Đạo đức kinh*, Chương 57). Cho nên phải "dứt thánh, bỏ trí dân lợi gấp trăm; dứt nhân bỏ nghĩa dân quay về lòng hiếu thảo và tự ái; dứt kĩ xảo, bỏ lợi trộm cướp

không còn" (*Đạo đức kinh*, Chương 19). Kết quả là: "Không chuộng hiền khiến dân không tranh, không trọng vật nên dân không trộm cướp, không thấy vật đáng ham khiến lòng dân khỏi loạn. Cho nên lối trị dân của bậc thánh nhân là làm cho dân lòng trống, bụng no, ý chí yếu, xương cốt mạnh, thường khiến dân không biết, không muốn" (*Đạo đức kinh*, Chương 3).

Hơn nữa, Lão Tử còn chủ trương đưa con người trở lại với thời kì trẻ thơ, hồn nhiên, chân chất, vô dục. Ông nói: "Không xa đức trở lại thời kì trẻ thơ". Ông chủ trương "không làm cho dân sáng mà làm cho dân ngu" (*Đạo đức kinh*, Chương 65). Dân không sáng mà dân ngu ở đây, theo Lão Tử, không hàm nghĩa là sự ngu dốt, tối tăm, mà là đức tính chất phác, giản dị, tự nhiên, vô tội. Người lí tưởng trở về với đạo tự nhiên "vô vi", theo Lão Tử, là người mà "người đời sáng chói, riêng ta lù mù; người đời rạch ròi, riêng ta hỗn độn… Người đời đều có chỗ dùng, riêng ta ngu dốt, thô lậu" (*Đạo đức kinh*, Chương 20). Cái lù mù, ngu dốt, hỗn độn của Lão Tử chính là cái thấu suốt mọi lẽ của tự nhiên mà sống hòa vào tự nhiên, theo đúng bản tính quy luật của nó, không tự mãn, không tự phụ, không xáo động, không phô trương, không thái quá, không bất cập. Cái ngu đó của ông là bậc "thượng trí".

Trong học thuyết "vô vi", Lão Tử mơ ước trở lại đời sống chất phác của thời đại công xã nguyên thủy, mà ông coi đó là thời đại "hoàng kim", một thời đại không thể chế, không chuẩn mực đạo đức, pháp luật, không thẩm mĩ, không nghệ thuật, không có chế độ tư hữu và trao đổi hàng hóa, sống tự cấp tự túc. Đó là lối sống mộc mạc, hòa vào tự nhiên, thống nhất với tự nhiên. Theo đó: "Nước nhỏ, dân ít. Dù có khí cụ gấp trăm gấp chục sức người cũng không dùng đến. Ai nấy đều coi sự chết là hệ trọng nên không đi đâu xa. Có xe thuyền mà không ai ngồi. Có gươm giáo mà không bao giờ dùng. Bỏ văn tự, bắt người ta trở lại dùng lối thắt dây ghi dấu thời thượng cổ. Ai nấy đều chăm chú vào việc ăn no, mặc ấm, ở yên, vui với phong tục của mình. Ở nước này có thể nghe thấy tiếng gà gáy chó sủa của nước kia, nhân dân trong những nước ấy đến già chết mà vẫn không qua lại lẫn nhau" (*Đạo đức kinh*, Chương 80).

2.2. Quan niệm của Trang Tử về mối quan hệ con người – tự nhiên

Trang Tử cho rằng "đạo Trời là tự nhiên" vốn có, không ai sinh ra, mà nó là cái vốn có vô cùng vô tận, là bản thể đầu tiên của vũ trụ, có trước cả Trời Đất, quỷ thần. Theo ông, vạn vật sinh ra từ "đạo" và biến hóa một cách tự nhiên, sự sống, chết là quá trình tất nhiên của tự nhiên. Ông nói: "Con người sinh ra là do khí tụ lại, tụ thì sống, tan thì chết". Cùng với quan điểm về "đạo", Trang Tử đưa ra quan niệm về "đức". "Đức" là "đạo" thể hiện ở mỗi vật, mỗi người, là bản tính tự nhiên của mỗi vật, mỗi người. "Đức" là cái ở bên trong của "đạo", "đạo" bên trong làm thành "tính", "tính" là sự biểu hiện của "đạo".

Theo Trang Tử, mỗi vật, mỗi người đều có một bản tính, sở thích tự nhiên của mình, không người nào giống người nào, không vật nào giống vật nào. Mọi vật đều là tương đối và ở trong trạng thái biến hóa không ngừng theo một vòng tròn khép kín. Trong thiên "Tề vật luận", Trang Tử cho rằng, vật và ta đều bình đẳng, "trời đất cùng sinh với ta, vạn vật và

ta là một". Trang Tử phóng đại tác dụng tinh thần của con người, cho rằng tinh thần chủ quan có thể qua lại với "tinh thần của Trời Đất", có tác dụng ngang hàng với Thượng đế. Từ đó, ông đưa ra quan điểm "phải trái như nhau". Do vậy, cần làm ngơ trước những điều phải trái để tự nó biến đổi, không cần phân biệt chân lí và sai lầm. Ông chủ trương đưa con người vứt bỏ mọi sự phán đoán về nhận thức và thủ tiêu đấu tranh về thực tiễn. Trang Tử cho rằng, không cần phải cải biến sự vật, con người không làm gì được trước mọi biến hóa của sự vật khách quan, mà chỉ có thể phục tùng tính chất tự nhiên biến hóa của vạn vật.

Phát triển quan niệm của Lão Tử theo tinh thần tuyệt đối hóa bản tính tự nhiên của con người, Trang Tử chủ trương sống tự nhiên, thuần phác, gần gũi với thiên nhiên, hòa nhập vào tự nhiên, sống tự do, tự tại, không màng danh lợi, mọi người tự làm những việc mà mỗi người cần phải làm một cách tự nhiên, chống lại mọi ràng buộc của trật tự, lễ giáo hà khắc. Theo Trang Tử, cuộc đời chỉ là một giấc mộng ngắn ngủi, nên ông chủ trương "vô vi, vô sự", phản đối quan niệm về tự do, bình đẳng của phái "hữu vi" trong khuôn khổ của một nền pháp luật. Theo ông, con người, xã hội có bản tính tự nhiên, thuần phác của nó, cho nên việc định ra các chuẩn mực pháp lí và đạo đức, thực chất là làm mất đi cái bản tính tự nhiên, thuần phác đó, và như vậy làm tổn hại đến tự do, bình đẳng. Trang Tử nhấn mạnh phần "vô vi", đặt hạnh phúc ở chỗ thanh cao của tâm hồn, sống theo bản tính tự nhiên, ngoài sự ràng buộc của danh lợi, không vướng mắc vào những ý niệm về giàu nghèo, sang hèn, thọ yểu. Cùng với Lão Tử, Trang Tử được coi là người sáng lập Đạo gia, từ thời Ngụy – Tấn thường được gọi là Đạo Lão – Trang.

Với quan điểm "vô vi", thuần phác tự nhiên của Lão Tử, cũng như "thuận thiên tính", hòa vào vạn vật của Trang Tử, *một mặt*, nó đã thể hiện một triết lí nhân sinh độc đáo và sâu sắc, đề cao thái độ tôn trọng tự nhiên, coi trọng sự hòa hợp, thống nhất giữa con người và tự nhiên, con người cần phải sống hài hòa với tự nhiên, tuân theo các quy luật của tự nhiên, sống một cách thanh tao, không ham muốn, không vụ lợi; sống một cách thanh thản, không suy tính, không ganh đua, không thủ đoạn theo đúng với quy luật của tự nhiên và phù hợp với bản tính tự nhiên của mình. Với cách hiểu ấy, con người có được một hệ thống giá trị tinh thần sâu sắc, góp phần tạo nên sự ổn định xã hội.

Nhưng *mặt khác,* quan điểm ấy không thấy được tầm quan trọng của tri thức, kĩ thuật, nó thủ tiêu khả năng nhận thức của con người về bản chất và các quy luật của tự nhiên. Do vậy, nó phủ nhận việc chinh phục giới tự nhiên, cải tạo giới tự nhiên; nó làm cho con người an phận, trì trệ, không cầu tiến và thờ ơ lãnh đạm trước cuộc đời. Chính vì thế, nó kìm hãm sự phát triển của xã hội. Hơn nữa, trong xã hội có giai cấp mà lại phủ nhận mọi truyền thống đạo đức, luân lí, chính trị, pháp luật, văn hóa…, có nghĩa là, rốt cuộc, quan niệm ấy đã kéo thụt lùi lịch sử. Như vậy, dưới góc độ này, quan niệm ấy mang tính chất ảo tưởng. Tuy nhiên, giá trị nhân bản của triết lí "vô vi" vẫn khiến cho con người hướng thiện, nên nó có một sức hấp dẫn lớn với đời sống tinh thần nhân loại.

3. Một số bài học được rút ra nhằm giải quyết vấn đề môi trường tự nhiên ở Việt Nam hiện nay

3.1. Quan điểm con người hòa hợp với tự nhiên

Vấn đề môi trường hiện nay không đơn giản chỉ là vấn đề thuần túy khoa học hay kinh tế – kĩ thuật, nó còn là vấn đề mang tính giai cấp, vấn đề tư tưởng, vấn đề chính trị… Do vậy, các khoa học xã hội, đặc biệt là triết học, có nhiệm vụ làm cho mọi người nhận thức rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường, cần làm cho mọi người thấy được việc bảo vệ môi trường không chỉ liên quan đến thế hệ này mà còn liên quan đến các thế hệ mai sau.

Để thực hiện được điều đó, con người phải tìm cách sống hài hòa, hòa nhập với chỉnh thể tự nhiên, phải điều khiển có ý thức mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Bởi vì, như Ph. Ăngghen chỉ rõ: "chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác"[2].

Ngày nay, môi trường tự nhiên thường được gọi là môi trường sinh thái. Vấn đề môi trường sinh thái là một trong những vấn đề toàn cầu cấp bách và khó giải quyết trong thời đại ngày nay. Giải quyết vấn đề này thực chất là một yêu cầu có cơ sở lí luận từ bản thân cơ chế hoạt động của phức hợp hệ thống "Tự nhiên – Con người – Xã hội", nhằm đảm bảo tính cân bằng, tính tự tổ chức, tự điều khiển, tự bảo vệ của sinh quyển, bảo đảm tính thống nhất giữa con người, xã hội và tự nhiên. Bởi vậy, trong hoạt động thực tiễn, con người phải quay trở về sống hài hòa với tự nhiên, thông qua đó sẽ mang lại một hệ thống các giá trị cho đời sống con người. Cụ thể là con người cần phải thay đổi phương thức hoạt động thực tiễn, cần phải nắm vững các quy luật của tự nhiên và vận dụng các quy luật đó một cách phù hợp vào trong hoạt động thực tiễn của mình, trước hết là vào quá trình sản xuất xã hội.

Trước những bức bách của vấn đề môi trường sinh thái, cũng như sự lo ngại về triển vọng phát triển của con người trong hiện tại và tương lai, nhận thức về tự nhiên, về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên đã có những thay đổi căn bản. Thay vì coi tự nhiên là nguồn của cải vô tận và chỉ biết khai thác từ đó những gì có lợi cho mình như trước đây, con người ngày nay đã nhận ra rằng, tự nhiên là một thể thống nhất và sức chịu đựng của nó trước những tác động của con người không phải là vô hạn. Do vậy, bên cạnh việc sử dụng, khai thác tự nhiên, con người còn phải bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, phải "chung sống hài hòa" với tự nhiên. Chỉ trên cơ sở thống nhất, hòa hợp giữa con người và tự nhiên thì xã hội hiện đại mới có được một sự phát triển nhanh và bền vững.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.20, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 655

3.2. Quan điểm phát triển bền vững

Môi trường tự nhiên đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của con người và xã hội loài người. Điều này thể hiện trước hết ở chỗ, con người là sản phẩm tất yếu trong quá trình tiến hóa lâu dài của tự nhiên. Mặt khác, tự nhiên là môi trường sống không thể thiếu của con người. Chính vì thế, con người cần chung sống hài hòa với tự nhiên, và đây chính là cơ sở cho quan điểm phát triển bền vững.

Trong thời đại hiện nay, mục tiêu hành động của toàn nhân loại là tự giác điều chỉnh tác động của mình vào tự nhiên, bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững. Vậy, làm thế nào để con người khai thác giới tự nhiên, phát triển kinh tế mà vẫn đảm bảo được sự phát triển bền vững cho cả con người lẫn giới tự nhiên? Đó là một câu hỏi lớn đối với tất cả các quốc gia trên thế giới. Phát triển là một quá trình vận động phức tạp bao gồm nhiều yếu tố cấu thành khác nhau, như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, kĩ thuật… Mục tiêu của phát triển là nâng cao chất lượng cuộc sống con người, làm cho con người ít phụ thuộc hơn vào tự nhiên, tạo lập nên cuộc sống công bằng, dân chủ, bình đẳng giữa các thành viên trong xã hội. Do vậy, chúng ta phải quan tâm đến việc xem xét, đánh giá mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, đến phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Con người cần phải sống hài hòa với tự nhiên; phải tính toán đến lợi ích chung của cả cộng đồng, của các thế hệ tương lai; phải đầu tư thích đáng cho việc bảo vệ môi trường. Tất cả những yêu cầu này đã dẫn đến sự ra đời quan điểm sống mới của con người – "phát triển bền vững". Theo đó, bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội và mục tiêu bảo vệ môi trường là sự lựa chọn đúng đắn và phù hợp với quy luật khách quan của sự phát triển xã hội hiện đại. Nền tảng của sự phát triển bền vững chính là dựa trên sự đồng tiến hóa giữa con người và tự nhiên.

Ở nước ta, Luật Bảo vệ môi trường (năm 2014) đã nêu rõ: "Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy giới và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành"[3]. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta nhấn mạnh: "Bảo vệ môi trường tự nhiên vừa là nội dung, vừa là mục tiêu phát triển bền vững... Đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường tự nhiên với môi trường sống ở các khu công nghiệp, đô thị, dân cư. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên"[4].

Có thể nói, "phát triển bền vững" là sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Vì mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, cần phải hướng vào việc khai thác có hiệu quả đối với môi trường tự nhiên, trong khi vẫn tránh được sự hủy hoại và khả năng tái tạo

[3] *Luật Bảo vệ môi trường (2014)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.4.
[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr. 141-142

lâu dài của giới tự nhiên. Để phát triển bền vững, cần phải quan tâm đến sự bền vững cả về mặt sinh thái lẫn về mặt xã hội. Bền vững về mặt sinh thái là cần phải tận dụng và tái tạo các nguồn tài nguyên có thể tái sinh; cần phải khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên sao cho có hiệu quả cao mà vẫn đảm bảo được sự cân bằng sinh thái, tránh được sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm đến mức tối đa về ô nhiễm môi trường. Bền vững về mặt xã hội là phải đảm bảo vừa đạt được tăng trưởng kinh tế, vừa đảm bảo được những vấn đề xã hội và giữ vững được ổn định xã hội. Chúng ta chỉ có thể thực hiện được điều đó khi ý thức đạo đức sinh thái được đề cao, hành vi đạo đức sinh thái được thực hiện và trở thành nếp sống thường nhật trong mỗi chúng ta. Do vậy, tôn trọng tự nhiên, bảo vệ môi trường phải là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng và của toàn thế giới.

4. Kết luận

Cùng với Nho gia và Pháp gia, Đạo gia như cái bóng bao trùm và dẫn dắt tư tưởng của Trung Hoa. Tư tưởng triết học của Đạo gia có sự ảnh hưởng sâu sắc đến truyền thống văn hóa của các dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam. Nghiên cứu quan niệm của Đạo gia về mối quan hệ con người – tự nhiên có ý nghĩa sâu sắc cả về lí luận và thực tiễn trong việc xác lập quan điểm và thái độ ứng xử một cách nhân văn của của con người đối với tự nhiên; nó đã lóe lên một tia sáng lấp lánh của tư tưởng thiết tha với sự bảo tồn và phát triển của giới tự nhiên; đồng thời nó có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với sự phát triển của tư duy triết học và giải quyết vấn đề môi trường tự nhiên hiện nay. Thời đại của Lão Tử, Trang Tử đã cách xa hàng nghìn năm nhưng những tư tưởng triết học của các ông vẫn sáng lấp lánh ánh sáng bí ẩn và vẫn gợi mở những suy ngẫm khám phá. Những tư tưởng này vẫn luôn mới mẻ và bổ ích cho các hoạt động của chúng ta trong hiện tại và tương lai.

❖ ***Tuyên bố về quyền lợi:*** *Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.* Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

Lão Tử. (2008). *Đạo đức kinh*, (Khải K. Phạm biên dịch). Hà Nội: NXB Thanh niên.

Quốc hội. (2014). *Luật Bảo vệ môi trường*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

C. Mác, Ph. Ăngghen. (1994). *Toàn tập,* tập 20. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.